

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LÊ CHÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

Bà Phạm Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Hoàng Hải Bình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 332/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12/228 T, phường V, quận L, thành phố H; chỗ ở: Đội 5 xóm M, thôn N, xã P, huyện T, thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Tùng D; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 12/228 T, phường V, quận L, thành phố H; chỗ ở: Số 12A4/41 K 2, phường V, quận L, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tùng D xây dựng gia đình với nhau từ năm 2013 trên cơ

sở tự nguyện, tự tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 06/12/2013. Đến nay vợ chồng có một con chung.

Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 chị phát hiện ra anh D mắc nghiện ma túy, sau đó không lâu anh D bị Tòa án nhân dân quận D Kinh, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án phạt tù. Trong khoảng thời gian anh D đi chấp hành án, chị T vẫn chung sống cùng gia đình chồng và thường xuyên thăm nuôi anh D. Tháng 8/2019 anh D ra tù, lúc này vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh D hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi bới, đánh đập chị T. Mâu thuẫn đỉnh điểm vào tháng 10/2019, chị T đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không còn khả năng đoàn tụ, chị Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Tùng D.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Vũ Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015. Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh Nguyễn Tùng D đến Tòa án làm việc vào các ngày 17/4/2020 và ngày 22/4/2020; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Nguyễn Tùng D. Tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án anh D đều đã nhận được nhưng anh D không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 05/5/2020.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ với đại diện gia đình anh Nguyễn Tùng D và đại diện chính quyền địa phương nơi anh D chị T chung sống được biết: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tùng D xây dựng gia đình với nhau từ năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đỉnh điểm vào cuối năm 2019, chị T đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Gia đình đã nhiều lần khuyên bảo anh chị nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo

quy định pháp luật. Về con chung: Anh D và chị T có một con chung là Nguyễn Vũ Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015, nếu anh chị ly hôn, đại diện gia đình anh D đề nghị Tòa án giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Về tài sản chung, đại diện gia đình anh D cho biết vợ chồng anh chị không có tài sản gì chung.

Kiểm sát viên tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh D kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân nhau, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tùng D; về con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của chị T và anh D; về tài sản chung: Chị T không có yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xem xét; về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đơn khởi kiện, trình bày của đương sự thể hiện: Anh Nguyễn Tùng D hiện đang sinh sống tại: Số 12A4/41 K 2, phường V, quận L, thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Tùng D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất và đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt, do vậy HĐXX căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Tùng D.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tùng D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào ngày 06/12/2013, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Tùng D đến Tòa án làm việc nhưng anh D đều không đến và không có ý kiến trình bày về quan điểm của mình, qua đó cho thấy anh D cũng không muốn níu kéo và hàn gắn tình cảm với chị T. Đồng thời qua các tài liệu xác minh thu thập chứng cứ đã xác nhận cuộc sống chung giữa anh D và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã do bất đồng quan điểm sống, cách sống. Vợ chồng luôn xảy ra bất hoà, mất đi tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Từ tháng 10 năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn sự chia sẻ, quan tâm đến nhau. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh D trên thực tế đã không còn, mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi vậy chị T yêu cầu được ly hôn anh D là phù hợp với thực tế, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung:

[5] Chị T và anh D có một con chung là Nguyễn Vũ Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015, chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng con đến khi thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng con, cháu Ngọc Anh là con gái, còn nhỏ, cần được quan tâm, chăm sóc trực tiếp của mẹ. Quá trình giải quyết vụ án tiến hành xác minh, đại diện gia đình anh D cũng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy việc chị T có nguyện vọng được nuôi con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế và phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh D cũng không có ý kiến gì nên HĐXX không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về tài sản chung:

[7] Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

- Về án phí:

[8] Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tùng D.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Vũ Ngọc A, sinh ngày 08/5/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Số tiền này chị T đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013868 ngày 19 tháng 3 năm 2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;
- UBND p. V, q. L, tp. H (GCNKH ngày 06/12/2013);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Hà